

Bản án số: 23/2018/DS-ST

Ngày: 19-11-2018

V/v “*Tranh chấp*

hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân

* *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Quốc Sửu

2. Ông Trần Văn Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Lan Phương- Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Y, tỉnh Bắc G.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2018/QĐXXST-DS ngày 12/10/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2018/QĐST-DS ngày 07/11/2018 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn: Ông Hoàng Công H, sinh năm 1966 (có mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Đồi M, xã Ngọc T, huyện Tân Y, tỉnh Bắc G;

**Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1990 (có mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Hàm R, xã Ngọc T, huyện Tân Y, tỉnh Bắc G;

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Vũ Thị H, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Do ông Hoàng Công H, sinh năm 1966 đại diện theo ủy quyền tại giấy ủy quyền ngày 12/4/2018 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn Đồi M, xã Ngọc T, huyện Tân Y, tỉnh Bắc G;

- Chị Dương Thị N, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Hàm R, xã Ngọc T, huyện Tân Y, tỉnh Bắc G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ghi ngày 06/4/2018 và bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải, đối chất nguyên đơn ông Hoàng Công H trình bày:

Ông có cho anh T vay số tiền gốc là 110.880.000 đồng theo giấy biên nhận vay đề ngày 11/9/2013, có thỏa thuận lãi bằng miệng, không ghi vào biên bản vay tiền. Khi vay thì anh T có nói vay để lấy hàng, vì anh T khi đó làm nghề giao hàng tạp hóa cho khách hàng. Hiện nay anh T đã trả nhiều lần tổng số tiền lãi là 11.000.000 đồng. Sau khi vay của ông số tiền 110.880.000 đồng thì anh T

đã nhiều lần trả lãi nhưng ông không nhớ ngày trả và số tiền trả từng lần. Ông chỉ nhớ trước khi ông khởi kiện thì anh T đã trả được tổng số 11.000.000 đồng tiền lãi. Khoảng đầu tháng 8/2018, ông không nhớ ngày cụ thể, anh T trả tiếp cho ông được 20.000.000 đồng nữa. Khi trả tiền thì chỉ có ông và anh T. Mỗi lần trả tiền ông đều yêu cầu anh T ghi và ký tên vào sổ của ông. Lần trả số tiền 20.000.000 đồng thì anh T chỉ nói là trả ông 20.000.000 đồng chứ không nói là trả gốc hay lãi. Ông xác định số tiền 20.000.000 đồng anh T đã trả là trả lãi. Như vậy, anh T đã trả được cho ông tổng số tiền lãi là 31.000.000 đồng. Khi ông cho anh T vay số tiền 110.880.000 đồng, từ khi thỏa thuận cho vay đến khi lập giấy vay, giao tiền và các lần trả tiền thì ông đều giao dịch trực tiếp với anh T chứ không có lần nào giao dịch với vợ anh T. Tuy nhiên khi vay tiền thì anh T nói là vay để lấy hàng tạp hóa nên ông xác định khoản tiền anh T đã vay là khoản vay chung của vợ chồng anh T.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Minh T và vợ là Dương Thị N cùng có trách nhiệm thanh toán trả vợ chồng ông số tiền gốc còn nợ là 110.880.000 đồng và tiền lãi tính theo mức lãi suất của Ngân hàng nhà nước Việt Nam theo từng thời điểm tính từ ngày vay 11/9/2013 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm.

*Tại phiên tòa hôm nay, ông H có mặt trình bày:

Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông thừa nhận anh T đã trả cho ông được 29.500.000 đồng tiền gốc và ông đề nghị trừ số tiền này vào tổng số tiền gốc cho anh T. Nay ông yêu cầu vợ chồng anh T, chị N có trách nhiệm trả vợ chồng số nợ gốc là 81.380.000 đồng và tiền lãi tính theo mức lãi suất của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo từng thời điểm, tính từ ngày vay 11/9/2013 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 19/11/2018.

* Tại bản tự khai ngày 19/4/2018 bị đơn anh Nguyễn Minh T trình bày:

Anh có vay của ông H số tiền là 70.000.000 đồng, sau một thời gian ông H cộng lãi vào gốc tổng là 110.880.000 đồng. Ngày 11/9/2013 anh vay là vay của cá nhân, không liên quan đến vợ anh và vay với mục đích riêng. Nay anh mong ông H không tính lãi, còn gốc anh xin nhận và trả dần vì hiện tại anh rất khó khăn, công việc không ổn định, mức thu nhập rất thấp nên anh không thể trả như ông H kê khai, anh đề nghị ông H không tính lãi và không đưa vợ anh vào tham gia tố tụng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/10/2018 anh T trình bày: Do quen biết nên anh có vay của ông H số tiền 70.000.000 đồng vào khoảng năm 2012 anh không nhớ ngày tháng, khi vay có lập giấy biên nhận thỏa thuận miệng lãi suất là 2.000 đồng/1 triệu/ngày, thời hạn vay anh không nhớ. Giấy vay lập tại nhà ông H, chỉ có anh và ông H giao dịch không có ai khác. Mục đích anh vay số tiền trên là vay hộ người khác, vay hộ bạn chứ không phải vay để làm ăn kinh tế. Giấy vay do ông H giữ, sau khi vay anh trả lãi đều hàng tháng cho ông H được khoảng 01 năm, sau đó do bạn anh không trả tiền anh nên anh không trả thêm được cho ông H. Đến ngày 11/9/2013 anh và ông H ngồi chốt nợ xác định số tiền cả gốc và lãi là 110.880.000 đồng hai bên thống nhất lập giấy ghi nợ mới thỏa thuận số tiền vay là 110.880.000 đồng, lãi suất không ghi vào giấy vay và

cũng không thỏa thuận miệng, ông H nói không yêu cầu anh trả lãi nữa chỉ yêu cầu anh trả gốc. Thời hạn trả chỉ thống nhất là trả dần chứ không ghi vào giấy biên nhận, khi chốt nợ chỉ có anh và ông H không có ai khác. Sau khi chốt nợ anh đã trả cho ông H tổng cộng là 29.500.000 đồng tiền gốc trả làm nhiều lần và đều có viết biên nhận trong sổ của ông H. Nay anh xác định anh còn nợ ông H số tiền là 81.380.000 đồng, anh chỉ đồng ý trả ông H 81.380.000 đồng tiền gốc, do không thỏa thuận lãi nên anh không đồng ý trả lãi và anh đang khó khăn nên đề nghị trả tiền gốc dần. Anh khẳng định chữ viết và chữ ký trong giấy vay tiền 110.880.000 đồng là do anh viết và ký và các lần trả tiền cho ông H cũng là do anh trả.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Minh T có mặt trình bày: Anh thừa nhận đã trả được cho ông H 29.500.000 đồng tiền gốc. Anh đồng ý trả ông H số tiền gốc còn nợ là 81.380.000 đồng và anh xin miễn lãi vì hoàn cảnh gia đình hiện nay khó khăn, tiền gốc thì anh xin trả dần.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị H trình bày (BL 20):

Ngày 11/9/2013 anh Nguyễn Minh T có vay của hai vợ chồng bà với số tiền là 110.880.000 đồng và có hẹn thanh toán cho bà vào ngày 07/10/2013. Nhưng sau đó anh T đã không làm đúng theo hợp đồng trong giấy vay tiền đã thỏa thuận, vợ chồng bà đã đòi nhiều lần nhưng anh T khất nợ nhiều lần không trả được cho vợ chồng bà. Nay bà đề nghị Tòa án buộc anh T phải trả cho vợ chồng bà số tiền gốc là 110.880.000 đồng và số tiền lãi theo giấy vay tiền là 68.897.000 đồng, tổng tiền gốc cộng lãi là 179.777.000 đồng trừ đi số tiền lãi anh T đã trả được cho bà là 11.000.000 đồng, còn phải trả là 163.770.000 đồng. Bà đã có giấy ủy quyền cho chồng là ông Hoàng Công H được toàn quyền giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa bà Vũ Thị H vắng mặt.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, giao các thông báo hòa giải nhưng chị N đều vắng mặt và không có ý kiến gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Tại phiên tòa chị Dương Thị N vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Y phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông H, bị đơn anh T chấp hành đúng quy định của pháp luật, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị N không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng khoản 3 Điều 144, Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 463; Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Công H; buộc vợ chồng anh T, chị N phải liên đới trả cho ông H, bà H số tiền gốc là 81.380.000 đồng và tiền lãi là 50.014.000 đồng

Về án phí: Vợ chồng anh T, chị N phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Dương Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N.

[2] Về quan hệ pháp luật: Ông Hoàng Công H có đơn khởi kiện đòi anh Nguyễn Minh T, chị Dương Thị N có trách nhiệm trả số tiền gốc còn nợ là 110.880.000 đồng và số tiền lãi theo quy định của Ngân hàng Nhà nước từ thời điểm tính từ ngày 11/9/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 19/11/2018 được xác định là quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[3] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông Hoàng Công H và anh Nguyễn Minh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 27 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tân Y thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Công H, Hội đồng xét xử thấy:

* Về nghĩa vụ trả tiền và số tiền phải trả: Tại giấy vay tiền ngày 11/9/2013 số tiền là 110.880.000 đồng, có chữ ký của anh Nguyễn Minh T; tại biên bản lấy lời khai anh T và tại phiên tòa hôm nay anh T cũng khẳng định chữ viết và chữ ký trong giấy vay tiền ngày 11/9/2013 là chữ viết và chữ ký của anh, anh thừa nhận còn nợ ông H số tiền gốc là 81.380.000 đồng và vay với mục đích hộ bạn. Tại các buổi làm việc và hòa giải thì anh T, chị N đều vắng mặt, không có ý kiến và cũng không cung cấp được các tài liệu chứng cứ cho Tòa án để bảo vệ quyền lợi ích cho mình. Mặt khác, ông H trình bày tuy trong giấy vay tiền chỉ có mình anh T ký nhưng mục đích vay của anh T để lấy hàng tạp hóa, xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng anh T, chị N. Vào ngày 29/8/2018 ông H có nộp cho Tòa án giấy ký xác nhận trả nợ 29.500.000 đồng trả gốc. Tại phiên tòa hôm nay ông H yêu cầu anh T, chị N trả 81.380.000 tiền gốc và anh T thừa nhận còn nợ số tiền trên. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy cần buộc anh T và chị N có trách nhiệm liên đới phải trả nợ cho ông H, bà H số tiền gốc còn nợ là 81.380.000 đồng.

Do vậy, cần buộc anh T, chị N trả lại số tiền gốc còn nợ cho ông H, bà H là 81.380.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất Ngân hàng Nhà nước từ thời điểm từ ngày 11/9/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 19/11/2018 là phù hợp với quy định tại Điều 440; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Cụ thể lãi được tính như sau:

- Thời điểm từ ngày 11/9/2013 đến ngày 31/12/2015 là 02 năm 03 tháng 20 ngày (anh T, chị N thời điểm năm 2015 đã trả cho ông H số tiền gốc là 4.000.000 đồng, cần trừ số tiền này vào tiền gốc cho anh T chị N 110.880.000 đồng - 4.000.000 đồng = 106.880.000 đồng), số tiền lãi là: 02 năm x 106.880.000 đồng x 9% + 03 tháng x 106.880.000 đồng x 0,75% + 20 ngày x 106.880.000 đồng x 0.025% = 19.238.000 đồng + 2.405.000 đồng + 534.000 đồng = 22.177.000 đồng.

- Thời điểm 01/01/2016 đến 29/9/2016 là 08 tháng 28 ngày là (anh T, chị N thời điểm ngày 30/9/2016 đã trả cho ông H số tiền gốc là 1.500.000 đồng, cần trừ số tiền này vào tiền gốc cho anh T, chị N 106.880.000 đồng - 1.500.000 đồng = 105.380.000 đồng) số tiền lãi là: 08 tháng x 105.380.000 đồng x 0.75% + 28 ngày x 105.380.000 đồng x 0.025% = 6.323.00 đồng + 738.000 đồng = 7.061.000 đồng.

- Thời điểm từ ngày 30/9/2016 đến ngày 31/12/2016 là 03 tháng, số tiền lãi là: 03 tháng x 105.380.000 đồng x 0.75% = 2.371.000 đồng.

- Thời điểm từ ngày 01/01/2017 đến ngày 14/02/2018 là 01 năm 01 tháng 13 ngày (anh T, chị N thời điểm ngày 30/12/2016 âm lịch, tức ngày 27/1/2017 dương lịch đã trả cho ông H số tiền gốc 2.000.000 đồng cần trừ số tiền này vào tiền gốc cho anh T, chị N 105.380.000 đồng - 2.000.000 đồng = 103.380.000 đồng) số tiền lãi là: 01 năm x 103.380.000 đồng x 10% + 01 tháng x 103.380.000 đồng x 0.83% + 13 ngày x 103.380.000 đồng x 0.028% = 10.338.000 đồng + 858.000 đồng + 376.000 đồng = 11.572.000 đồng

- Thời điểm từ ngày 15/02/2018 đến ngày 12/6/2018 là 03 tháng 28 ngày (anh T, chị N đã trả cho ông H tổng số tiền gốc là 2.000.000 đồng, cần trừ số tiền này vào tiền gốc cho anh T, chị N 103.380.000 đồng - 2.000.000 đồng = 101.380.000 đồng) số tiền lãi là: 03 tháng x 101.380.000 đồng x 0.83% + 28 ngày x 101.380.000 đồng x 0.028% = 2.524.000 đồng + 795.000 đồng = 3.319.000 đồng.

- Thời điểm từ ngày 13/6/2018 đến ngày 19/11/2018 là 05 tháng 06 ngày (anh T, chị N đã trả cho ông H tổng số tiền gốc là 20.000.000 đồng, cần trừ số tiền này vào tiền gốc cho anh T, chị N 101.380.000 đồng - 20.000.000 đồng = 81.380.000 đồng) số tiền lãi là: 5 tháng x 81.380.000 đồng x 0.83% + 6 ngày x 81.380.000 đồng x 0.028% = 3.377.000 đồng + 137.000 đồng = 3.514.000 đồng.

Tổng số tiền lãi mà anh T, chị N phải trả cho ông H, bà H là: 22.177.000 đồng + 7.061.000 đồng + 2.371.000 đồng + 11.572.000 đồng + 3.319.000 đồng + 3.514.000 đồng = 50.014.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà anh T, chị N còn phải trả cho ông H, bà H cả gốc và lãi là 131.394.000 đồng. Trong đó tiền gốc là 81.380.000 đồng và tiền lãi là 50.014.000 đồng.

[5] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Do các bên tại phiên tòa không thỏa thuận được lãi suất chậm thi hành án, lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của ông H được chấp nhận nên anh T, chị N phải có nghĩa vụ liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền án phí phải chịu là: 131.394.000 đồng x 5% = 6.570.000 đồng.

Ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 27; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 357; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1] Về nghĩa vụ trả nợ: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Công H. Buộc anh Nguyễn Minh T và chị Dương Thị N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Hoàng Công H và bà Vũ Thị H tổng số tiền là 131.394.000 đồng (Một trăm ba mươi một triệu ba chín mươi tư nghìn đồng). Trong đó số tiền gốc là 81.380.000 đồng (Tám mươi một triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng) và số tiền lãi là 50.014.000 đồng (Năm mươi triệu không trăm mười bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền được trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[2] Án phí: Anh Nguyễn Minh T và chị Dương Thị N có nghĩa vụ liên đới chịu 6.570.000 đồng (Sáu triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Hoàng Công H số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/ 0001904 ngày 11 tháng 04 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Y.

[3] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn; Đại diện ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc G;
- VKSND tỉnh Bắc G;
- VKSND huyện Tân Y;
- Chi cục THADS huyện Tân Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

